

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 82/2021/HS-ST  
Ngày 26-3-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Phú;

Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Đức T, tên gọi khác “Thiên” sinh năm 1999; tại tỉnh Sóc Trăng; nơi thường trú: Ấp 15, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1970 và bà Trần Thị H, sinh năm 1975; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Th, có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án: Ngày 26/4/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) A, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc – Bộ công an đến ngày 30/12/2018 chấp hành xong. Tiền sự: Không có. Bị bắt, tạm giam từ ngày 08 tháng 9 năm 2020 đến nay; có mặt.

2/ Trần Văn TH, tên gọi khác “Tuấn, Cu Trọc” sinh năm 1988; tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Thợ sửa chữa điện lạnh; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn TH(đã chết) và bà Hồ Thị B, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Hoàng Thị T, sinh năm 1990; bị cáo có 01 (một) con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

Ngày 11/8/2005 Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 1026/QĐ-UB đưa vào Trường giáo dưỡng số 3-Đà Nẵng trong thời hạn 24 tháng, đến ngày 11/8/2007 chấp hành xong.

Ngày 05/5/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên

phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án số 60/2008/HSST), bị cáo kháng cáo đến ngày 16/7/2008 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm đối với Trần Văn T. Bị cáo Thông chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đến ngày 30/9/2008 chấp hành xong.

Ngày 28/9/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án số 46/2012/HSST), chấp hành án tại Trại giam An Phước – Bộ công an đến ngày 04/4/2013 chấp hành xong.

Ngày 07/5/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 04 năm tù giam về tội Cướp giật tài sản (theo bản án số 136/2015/HSST), chấp hành án tại Trại giam Đắk Tân – Bộ công an đến ngày 04/5/2018 chấp hành xong.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 08 tháng 9 năm 2020 đến nay; có mặt.

*Bị hại:* Ông Nguyễn Quý T, sinh năm 1975; nơi thường trú: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1996; nơi thường trú: Số 264, tổ 7, khu phố H, phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương. vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2001; nơi thường trú: Số 41/15, khu phố H, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1990; nơi thường trú: Xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. vắng mặt.

*Người làm chứng:*

Trần Hoàn Ph. vắng mặt.

Nguyễn Thanh P. vắng mặt.

Cầm Hữu N. vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 08/9/2020 Phạm Đức T và Trần Văn TH bàn bạc, rủ nhau đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt. Lúc này, TH đưa xe mô tô biển số 61E1 - 455.68 cho T điều khiển, TH ngồi phía sau cả hai lưu thông trên nhiều tuyến đường tại khu vực giáp ranh giữa thành phố A, thành phố T và thị xã U, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, T và TH đang lưu thông trên đường DT743B từ khu vực ngã tư cây xăng N phường K, thị xã U hướng về ngã tư Miếu Ông C, khi cả hai đi đến khu phố B, phường C, thành phố A thì T nhìn thấy ông Nguyễn Quý T, đang điều khiển xe mô tô biển số 49L1 - 133.27 lưu thông cùng chiều phía trước trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền màu vàng. Thấy vậy, T và TH bàn bạc giật sợi dây này, thực hiện ý định T tăng tốc chạy song song và áp sát vào phía bên trái xe của ông T để TH ngồi phía sau dùng tay phải giật mạnh sợi dây chuyền. Sau khi giật được sợi dây chuyền T tăng tốc bỏ chạy, ông T đuổi theo đến khu vực ngã tư Miếu Ông C thì đuổi kịp T và TH, ông T dùng chân đạp vào xe T và TH đang điều khiển làm T, TH và xe ngã xuống đường. T, TH đứng dậy bỏ chạy nhưng bị ông T và quần chúng nhân dân bắt giữ cùng tang vật.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài khoảng 60cm, bị đứt tại khu vực nối hai đầu dây;
- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng (có hình dạng cây thánh giá) đã bị biến dạng, móp, méo;
- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider màu đỏ-đen, biển số 61E1-455.68, số khung: MH8DL11AZAJ203793; số máy: CGA1-ID203801;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XI màu vàng;
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5S màu trắng.

Tại bản kết luận định giá ngày 15/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố A, tỉnh Bình Dương kết luận 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 10 chỉ 02 ly có giá 33.667.200 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ 08 phân 06 ly có giá 6.249.000 đồng. Tổng cộng: 39.916.800 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 84/CT-VKS-TA ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Đức T, Trần Văn TH về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố, phân tích tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn TH mức hình phạt từ 04 năm đến 05 năm tù. Xử phạt bị cáo Phạm Đức T mức hình phạt từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài khoảng 60cm cùng 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng (có hình dạng cây thánh giá), quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Nguyễn Quý T. Ngày 09/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố A, tỉnh Bình Dương đã trả lại tài sản trên cho ông T.

Đối với 01 xe mô tô Suzuki Raider màu đỏ-đen, biển số 61E1-455.68, số khung: MH8DL11AZAJ203793; số máy: CGA1-ID203801 là phương tiện mà bị cáo TH đưa bị cáo T điều khiển cùng đi thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra đến nay chưa tìm được chủ sở hữu, nên cần tiếp tục giao xe mô tô trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố A làm rõ, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với biển số 61E1-455.68 qua điều tra xác định biển số này được cấp cho xe mô tô hiệu Honda SH có số khung: RLHJF5101DY072010; số máy: JF51E-0072029 có chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Kim T. Qua làm việc với bà T được biết bà T sở hữu xe mô tô biển số 61E1-455.68 như trên, ngày 30/8/2020 bị mất trộm tại phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã thông tin tội phạm cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone XI màu vàng thu giữ của bị cáo T, qua điều tra xác định bị cáo T mượn điện thoại này của bạn là Nguyễn Thị Mỹ D và bị cáo T không sử dụng điện thoại này vào mục đích phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã trả lại điện thoại này cho bà D.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5S màu trắng thu giữ của bị cáo TH, qua điều tra xác định bị cáo TH mượn điện thoại này của vợ là Hoàng Thị T và không sử dụng điện thoại này vào mục đích phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố A đã trả lại điện thoại trên cho bà T.

Quá trình điều tra, truy tố bị hại Nguyễn Quý T có lời khai phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì và thống nhất theo quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Quá trình điều tra, truy tố người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Mỹ D, Hoàng Thị T có lời khai phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, bà D, bà Hoàng Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Đức T, Trần Văn TH đã khai nhận hành vi cướp giật tài sản như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 08/9/2020 tại đoạn đường DT743B thuộc khu phố B, phường C, thành phố A, tỉnh Bình Dương, Phạm Đức T điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Raider màu đỏ-đen, gắn biển số 61E1-455.68 chở phía sau Trần Văn TH thực hiện hành vi Cướp giật tài sản là 01 sợi dây chuyền vàng 18 của ông Nguyễn Quý T có giá trị 39.916.800 đồng (Ba mươi chín triệu chín trăm mười sáu ngàn tám trăm đồng). Trong vụ án này, các bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, các bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện áp sát để giật tài sản của bị hại là rất nguy hiểm, có thể gây tai nạn cho người tham gia giao thông, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Các bị cáo là người còn trẻ, có khả năng lao động lẽ ra các bị cáo phải tìm cho mình một nghề nghiệp ổn định, tích

cực lao động để tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, chăm lo cho gia đình nhưng vì tham lam, lười lao động mà các bị cáo đã dần thân vào con đường phạm tội. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản nhưng các bị cáo không tu dưỡng rèn luyện để lấy đó làm bài học, mà vẫn tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo TH phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Về vai trò: Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo TH là người trực tiếp giật tài sản, bị cáo T giúp sức tích cực điều khiển xe mô tô áp sát bị hại nên tính chất nguy hiểm cho xã hội của các bị cáo là ngang nhau.

[5] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô Suzuki Raider màu đỏ-đen, biển số 61E1-455.68, số khung: MH8DL11AZAJ203793; số máy: CGA1-ID203801 là phương tiện mà bị cáo TH đưa bị cáo T điều khiển cùng đi thực hiện hành vi phạm tội. TH khai nhận chiếc xe trên TH mượn của một người bạn tên L (không rõ lai lịch, địa chỉ) vào ngày 07/9/2020. Tiến hành xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được biết xe mô tô trên có số khung, số máy không đổi tuy nhiên xe này được cấp biển số đăng ký là 83P4-176.54 do Sơn Hoàng T, HKTT: ấp A1, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, tiến hành điều tra, xác minh Sơn Hoàng T không có mặt tại địa phương nên không làm việc được. Tiến hành tra cứu tại Văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương hiện không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu trên Đài phát thanh và truyền hình Bình Dương tuy nhiên không có ai liên hệ giải quyết. Xét thấy, cần tiếp tục giao xe mô tô Suzuki Raider màu đỏ-đen, số khung: MH8DL11AZAJ203793; số máy: CGA1-ID203801 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố A làm rõ, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với biển số 61E1-455.68 qua điều tra xác định biển số này được cấp cho xe mô tô hiệu Honda SH có số khung: RLHJF5101DY072010; số máy: JF51E-0072029 có chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Kim T. Qua làm việc với bà T được biết bà T sở hữu xe mô tô biển số 61E1-455.68 như trên, quá trình sử dụng đến ngày 30/8/2020 thì bị mất trộm tại phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều

tra Công an thành phố A đã thông tin tội phạm cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố M để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone XI màu vàng thu giữ của bị cáo T, qua điều tra xác định bị cáo T mượn điện thoại này của bạn là Nguyễn Thị Mỹ D và bị cáo T không sử dụng điện thoại này vào mục đích phạm tội nên ngày 04/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố A đã trả lại điện thoại này cho bà D là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5S màu trắng thu giữ của bị cáo TH, qua điều tra xác định bị cáo TH mượn điện thoại này của vợ là Hoàng Thị T và không sử dụng điện thoại này vào mục đích phạm tội nên ngày 04/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố A đã trả lại điện thoại này cho bà T là có căn cứ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đức T;

- Điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

- Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức T và Trần Văn TH phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Trần Văn TH 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng: Giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố A, tỉnh Bình Dương 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, dung tích xi lanh 147c, màu sơn: đỏ-đen, số khung: MH8DL11AZAJ203793; số máy: CGA1-ID203801 (xe không biển số) để xử lý theo thẩm quyền (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/02/2021 giữa Công an thành phố A và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bình Dương).

2. Về án phí: Các bị cáo Phạm Đức T và Trần Văn TH mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huệ**